

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15B/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-3-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Nghĩa

Ông Nguyễn Việt Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2023/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lương Thị Ngọc H**, sinh năm 1985 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Trịnh Chí N**, sinh năm 1986 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: **Số nhà A, ấp T, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 05/9/2023 nguyên đơn bà **Lương Thị Ngọc H:**

Bà **H** và ông **Trịnh Trí N1** có tổ chức lễ và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **L**, huyện **N** (nay là thị xã **N**), tỉnh **Sóc Trăng** vào ngày 11/3/2013. Thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng bà **H** sống rất vui vẻ và hạnh phúc, nhưng sau xảy ra nhiều mâu thuẫn cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng bà **H** đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thể nên đã ly thân với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Bà **H** yêu cầu ly hôn với ông **Trịnh Chí N**.

Quá trình chung sống bà H và ông N có hai con chung tên **Trịnh Chí N2**, sinh ngày 24/3/2013 và **Trịnh Hạo N3**, sinh ngày 13/12/2014, hiện nay đang hai con đang sống với bà H. Vợ chồng bà H có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận. Vợ chồng bà H không có nợ chung. Về con chung: Bà H yêu cầu nuôi hai con tên **Trịnh Chí N2**, sinh ngày 24/3/2013 và **Trịnh Hạo N3**, sinh ngày 13/12/2014 và yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/01 tháng/01 người con.

Còn về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Bà H không có yêu cầu xem xét, giải quyết.

2/ Theo tờ tường trình lập ngày 18/01/2024, bị đơn ông **Trịnh Chí N trình bày:** Ông N thống nhất về lời trình bày của bà **Lương Thị Ngọc H** về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay bà H yêu cầu ly hôn với ông N thì ông N cũng thống nhất; Ông N đồng ý cho bà H nuôi hai con chung là **Trịnh Chí N2**, sinh ngày 24/3/2013 và **Trịnh Hạo N3**, sinh ngày 13/12/2014 và ông N đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/01 tháng/01 người con; Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Ông N không có yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân đề nghị chấp nhận cho bà **Lương Thị Ngọc H** ly hôn với ông **Trịnh Chí N**. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà H giao hai con chung **Trịnh Chí N2**, sinh ngày 24/3/2013 và **Trịnh Hạo N3**, sinh ngày 13/12/2014 cho bà **Lương Thị Ngọc H** trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi trưởng thành. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông **Trịnh Chí N** đồng ý cấp ý cấp dưỡng nuôi hai con là **Chí N2** và Hạo Nguyên 2.000.000 đồng/01 tháng/01 người con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông N không ai được quyền ngăn cản. Về nợ chung, tài sản chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Các đương sự cũng không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà **Lương Thị Ngọc H** và bị đơn ông **Trịnh Chí N** vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm

2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà H và bị đơn ông N.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị Ngọc H và ông Trịnh Chí N là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N (nay là thị xã N), tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông N là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống vợ chồng của bà H và ông N, theo bà H cho rằng quan vợ chồng bà xảy ra nhiều mâu thuẫn do cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng bà đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thể nên đã ly thân với nhau từ năm 2022 cho đến nay và bà giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông N và tại tờ tường trình lập ngày 18/01/2024 thì ông N cũng đồng ý ly hôn với bà H. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của bà H và ông N đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, cho bà H được ly hôn với ông N.

[2.2] Về con chung: Bà Lương Thị Ngọc H và ông Trịnh Chí N đều thống nhất có hai con chung là Trịnh Chí N2, sinh ngày 24/3/2013 và Trịnh Hạo N3, sinh ngày 13/12/2014, hiện hai con đang sống với bà H.

Nhận thấy từ khi bà H và ông N ly thân đến nay bà H đã nuôi con, 02 con vẫn đi học và phát triển bình thường và tại tờ tường trình thì ông N cũng đồng ý giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Nay bà H yêu cầu nuôi con là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Do đó, cần tiếp tục giao cho bà Lương Thị Ngọc H nuôi hai con chung tên Trịnh Chí N2, sinh ngày 24/3/2013 và Trịnh Hạo N3, sinh ngày 13/12/2014 cho đến tuổi trưởng thành. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Trịnh Chí N, không ai được quyền ngăn cản hoặc cản trở ông N thực hiện hợp pháp quyền này.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông Trịnh Chí N đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con là Chí N2 và Hạo Nguyên 2.000.000 đồng/01 tháng/01 người con. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (19/3/2024) cho đến khi cháu Chí N4 và Chí N đủ tuổi trưởng thành.

[3] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Xét ý kiến của đại viện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của HĐXX và có căn cứ nghĩ nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Lương Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án

phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002489 ngày 11/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Ông **Trịnh Chí N** phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều **107** của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lương Thị Ngọc H**.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà **Lương Thị Ngọc H** được ly hôn với ông **Trịnh Chí N**.

2/ Về con chung: Giao hai con chung tên **Trịnh Chí N2**, sinh ngày 24/3/2013 và **Trịnh Hạo N3**, sinh ngày 13/12/2014 cho bà **Lương Thị Ngọc H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông **Trịnh Chí N**, không ai được quyền ngăn cản hay cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông **Trịnh Chí N** đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con là **Chí N2** và Hạo Nguyên 2.000.000 đồng/01 tháng/01 người con. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (19/3/2024) cho đến khi cháu **Chí N4** và **Chí N** đủ tuổi trưởng thành.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí sơ thẩm: Bà bà **Lương Thị Ngọc H** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002489 ngày 11/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Ông **Trịnh Chí N** phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

5/ **Q** kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Long Bình, thị xã Ngã Năm;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mỹ Hạnh